

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2023/DS-PT
Ngày 03 - 4 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Dũng

- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tuấn Anh
Bà Nguyễn Thị Vĩnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*
Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 02
năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự về hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022
của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2023/QĐXXPT-
DS ngày 06 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị C, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp 1, xã PL, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp 1, xã PL, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bà Lê Thị C, là nguyên đơn.

(Bà Lê Thị C, bà Võ Thị H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày: Bà C tham gia hui do bà Võ Thị H làm
chủ, với tên “Quy”, cụ thể như sau:

- Dây hui thứ nhất: Hui 1.000.000 đồng/tháng, mở hui ngày 15/01/2020

(ÂL), gồm 27 phần hội, bà tham gia 04 phần, bà H giao cho bà 01 số hội ngày 15/01/2020 (ÂL) với 02 tên “*Quý*” và giao nhằm 02 số ngày 30/7/2020 (ÂL) mỗi số hội 01 tên “*Quý*”. Dây hội này bà lãnh 03 phần hội và bà không nhớ số tiền, ngày tháng năm lãnh hội; còn 01 phần hội chưa lãnh bà đã góp được 14 lần với số tiền 14.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 15/01/2020 (ÂL), gồm 29 phần hội, bà tham gia 02 phần, bà H giao cho bà 01 số hội ngày 15/01/2020 (ÂL) với 02 tên “*Quý*”. Dây hội này bà chưa lãnh hội bà đã góp được 14 lần/phần với số tiền 14.000.000 đồng/phần, bà đề nghị trừ 02 phần hội chưa lãnh vào 02 phần hội đã lãnh của dây hội thứ nhất bà H đồng ý.

- Dây hội thứ ba: Hội 1.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 30/7/2020 (ÂL), gồm 29 phần hội, bà tham gia 02 phần, bà H giao cho bà 02 số hội ngày 30/7/2020 (ÂL) mỗi số với 01 tên “*Quý*”. Dây hội này bà chưa lãnh hội bà đã góp được 07 lần/phần với số tiền 7.000.000 đồng/phần, 02 phần hội là 14.000.000 đồng, bà đề nghị trừ 02 phần hội chưa lãnh vào 01 phần hội đã lãnh của dây hội thứ nhất bà H đồng ý.

Ngoài ra, bà H thu thêm (thu khổng) của bà 01 phần hội đã lãnh của dây hội thứ nhất, bà đã góp được 24 lần với số tiền 24.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền bà H hiện nay còn nợ bà 38.000.000 đồng.

Đối với dây hội 1.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 10/10/2019 (âm lịch), kết thúc hội ngày 10/7/2022, gồm 35 phần, bà tham gia 01 phần bà lãnh hội ngày 10/12/2021 với số tiền 30.000.000 đồng, bà còn phải góp 07 lần hội đã lãnh với số tiền 7.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà H còn nợ bà số tiền 38.000.000 đồng nên bà không đồng ý góp hội đã lãnh với số tiền 7.000.000 đồng của dây hội này.

Nay bà Lê Thị C yêu cầu bà Võ Thị H trả cho bà số tiền nợ hội 38.000.000 đồng, Bà C không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu phản tố của bà H.

Bị đơn bà Võ Thị H trình bày: Bà C tham gia 04 dây hội do bà H làm chủ với tên “*Quý*”, 04 dây hội cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất: Hội 1.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 10/10/2019 (âm lịch), kết thúc hội ngày 10/7/2022, gồm 35 phần, Bà C tham gia 01 phần Bà C lãnh hội ngày 10/12/2021 với số tiền 30.000.000 đồng, Bà C phải góp 07 lần hội đã lãnh với số tiền 7.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Hội 1.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 15/01/2020 (ÂL), kết thúc hội ngày 15/4/2022, gồm 29 phần hội, Bà C tham gia 02 phần.

+ Bà C lãnh phần hội thứ nhất vào ngày 15/3/2020 với số tiền 15.750.000 đồng, tiền hoa hồng 500.000 đồng, còn lại 15.250.000 đồng, Bà C phải góp 26 lần hội đã lãnh, Bà C có 01 phần hội chưa lãnh nên chỉ phải góp 25 lần hội đã lãnh với số tiền 25.000.000 đồng, Bà C đã góp được 20 lần với số tiền 20.000.000 đồng, còn lại 5.000.000 đồng.

+ Bà C lãnh phần hội thứ hai ngày 15/4/2020 với số tiền 18.250.000 đồng, tiền hoa hồng 500.000 đồng, còn lại 17.750.000 đồng, Bà C phải góp 25 lần hội đã lãnh với số tiền 25.000.000 đồng, Bà C đã góp được 09 lần với số tiền 9.000.000 đồng, còn lại 16.000.000 đồng.

- Dây hội thứ ba: Hội 1.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 15/01/2020 (ÂL), kết thúc hội ngày 15/02/2022, gồm 27 phần hội, Bà C tham gia 02 phần.

+ Bà C lãnh hội phần hội thứ nhất ngày 15/7/2020 với số tiền 17.400.000 đồng, tiền hoa hồng 500.000 đồng, còn lại 16.900.000 đồng, Bà C phải góp 19 lần hội đã lãnh với số tiền 19.000.000 đồng, Bà C đã góp được 06 lần với số tiền 6.000.000 đồng, còn lại 13.000.000 đồng.

+ Bà C chưa lãnh phần hội thứ hai, Bà C đã góp được 13 lần không nhớ rõ số tiền đã góp bao nhiêu nên bà thống nhất 13 lần với số tiền 13.000.000 đồng.

- Dây hội thứ tư: Hội 1.000.000 đồng/tháng, mở hội ngày 30/7/2020 (ÂL), kết thúc hội ngày 30/10/2022, gồm 27 phần hội, Bà C tham gia 02 phần Bà C chưa lãnh 02 phần hội nêu trên, Bà C đã góp mỗi phần hội được 07 lần không nhớ rõ số tiền đã góp bao nhiêu nên bà thống nhất 07 lần của 02 phần hội với số tiền 14.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hội đã lãnh Bà C phải góp 41.000.000 đồng, tổng số tiền hội chưa lãnh của Bà C 27.000.000 đồng, trừ số tiền hội chưa lãnh vào tiền hội đã lãnh thì Bà C phải tiếp tục góp cho bà số tiền 14.000.000 đồng.

Nay bà Võ Thị H yêu cầu bà Lê Thị C trả cho bà số tiền nợ hội 14.000.000 đồng, bà H không đồng ý theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà C.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T xét xử:

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C về việc yêu cầu bà Võ Thị H trả cho Bà C số tiền nợ hội là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Võ Thị H.

Buộc bà Lê Thị C trả cho bà H số tiền nợ hội là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị C được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Trả cho bà Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số: 0010040 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Trả cho bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số: 0010234 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 09/12/2022, bà Lê Thị C kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, buộc bà H trả cho Bà C số tiền hui còn nợ 38.000.000 đồng, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Võ Thị H, buộc Bà C trả cho bà H số tiền hui còn nợ 7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Lê Thị C là nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bà Võ Thị H là bị đơn thống nhất với bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị C nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Lê Thị C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C, buộc bà H trả cho Bà C số tiền hui còn nợ 38.000.000 đồng, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Võ Thị H, buộc Bà C trả cho bà H số tiền hui còn nợ 7.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà C yêu cầu bà H trả số tiền nợ hui 38.000.000 đồng, Bà C cho rằng đây hui thứ nhất ngày 15/01/2020 (ÂL) Bà C tham gia 04 phần hui tên “Quý”; đây hui thứ hai cùng ngày 15/01/2020 (ÂL) Bà C tham gia 02 phần hui tên “Quý”; đây hui thứ ba ngày 30/7/2020 (ÂL) Bà C tham gia 02 phần hui tên “Quý”; đây hui thứ tư

ngày 10/10/2019 (âm lịch) Bà C tham gia 01 phần hội. Theo đó bà đã lãnh 03 phần hội, bà đã khấu trừ 02 phần hội chưa lãnh của dây thứ hai và 02 phần hội chưa lãnh của dây thứ ba vào 03 phần hội đã lãnh, bà còn 01 phần chưa lãnh của dây hội thứ nhất, bà góp được 14 lần với số tiền 14.000.000 đồng.

Tuy nhiên, Bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh dây hội thứ nhất bà đã tham gia 04 phần. Trong quá trình giải quyết vụ án đã đối chất giữa Bà C với bà H và đối chất với những người làm chứng xác định dây hội thứ nhất Bà C chỉ tham gia 02 phần.

Bà C cho rằng bà H giao nhầm cho bà 02 sổ hội đề ngày 30/7/2020 (ÂL) hội của ngày 15/01/2020 (ÂL). Trong trường hợp dây hội thứ nhất ngày 15/01/2020 (ÂL), nếu bà tham gia 04 phần phải ghi vào sổ hội 04 tên “*Quý*”. Sổ hội ngày 15/01/2020 (ÂL) và 02 sổ hội ngày 30/7/2020 (ÂL) cách nhau hơn 07 tháng, bà cho rằng nhận thêm 02 sổ hội ngày 30/7/2020 (ÂL) thể hiện bà tham gia ngày 15/01/2020 (ÂL) tổng cộng 06 phần hội là không có cơ sở.

Bà C cho rằng bà H thu thêm (thu không) của bà 01 phần hội của dây hội thứ nhất số tiền 24.000.000 đồng, Bà C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, lời trình bày của bà là không có căn cứ.

Bà H xác định Bà C đã lãnh tiền của dây hội ngày 10/10/2019 (âm lịch), còn nợ tiền hội đã lãnh 7.000.000 đồng. Đối với 04 phần hội của 02 dây hội ngày 15/01/2020 (ÂL) Bà C đã lãnh 03 phần, còn lại 01 phần chưa lãnh, Bà C phải góp hội đã lãnh cho bà đối với 03 phần hội đã lãnh là 34.000.000 đồng, Bà C cũng thừa nhận đã lãnh 03 phần hội nhưng không xác định đã lãnh bao nhiêu, phải góp lại bao nhiêu nên Bà C phải góp theo xác định của bà H, tổng số tiền hội đã lãnh Bà C phải góp cho bà H là 41.000.000 đồng.

Bà H thừa nhận 01 phần của dây hội ngày 15/01/2020 (ÂL) Bà C chưa lãnh, Bà C góp được 13 lần với số tiền 13.000.000 đồng; 02 phần của dây hội ngày 30/7/2020 (ÂL) Bà C chưa lãnh, Bà C góp được 07 lần/phần với tổng số tiền 14.000.000 đồng, tổng số tiền hội Bà C chưa lãnh là 27.000.000 đồng. Số tiền hội Bà C chưa lãnh 27.000.000 đồng được cân trừ vào số tiền hội đã lãnh phải góp 41.000.000 đồng, nên Bà C phải góp thêm tiền hội đã lãnh là 14.000.000 đồng.

Do đó, có cơ sở xác định Bà C yêu cầu bà H trả số tiền nợ hội 38.000.000 đồng là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm Bà C không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, yêu cầu kháng cáo của Bà C là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà C, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của Bà C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do kháng cáo của Bà C không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bà C là người cao tuổi được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị C.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 138/2022/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C về việc yêu cầu bà Võ Thị H trả cho Bà C số tiền nợ hui là 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

2.2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Võ Thị H.

Buộc bà Lê Thị C trả cho bà H số tiền nợ hui là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị C được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Trả cho bà Lê Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số: 0010040 ngày 30/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Trả cho bà Võ Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số: 0010234 ngày 02/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Dũng